

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 25-02-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Thảo;
Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/HSST-QĐ ngày 04/02/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vi Văn V; sinh năm 2000; tại tỉnh Nghệ An; hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Khu phố 1, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn M (đã chết) và bà Vi Thị M (năm sinh 1983); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 28/10/2020 sau đó bị tạm giam đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: Vi Văn N, sinh năm 1997, tại tỉnh Nghệ An; hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Khu phố 1, H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1982; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 27/10/2020, sau đó bị tạm giữ, tạm giam đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: 233/17/7 X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Thái Tùng L và ông Thượng Tấn P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vi Văn N và Vi Văn V đều là đối tượng nghiện ma túy, loại Heroine.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27/10/2020, V có ý định mua ma túy để bán lại. V biết 01 đối tượng (không rõ nhân thân) ở khu vực cầu P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh có bán ma túy (do V đã mua trước đó) nên đón xe ôm đến khu vực thuộc cầu Phú Cường. Khi đến nơi, V gặp được người bán ma túy và mua 500.000 đồng ma túy Heroine thì nhận được 02 đoạn ống hút hàn kín, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Sau đó, V đón xe ôm đi về phòng trọ ở khu phố 1, phường V và chia ma túy trong 02 đoạn ống hút thành 13 đoạn ống hút hàn kín.

Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Vi Văn N cần ma túy để sử dụng nên gọi điện thoại cho V để hỏi mua 300.000 đồng ma túy. V đồng ý và hẹn giao ma túy ở gần phòng trọ của V. N điều khiển xe mô tô biển số 47FE-2451 đến gần phòng trọ của V. N đưa cho V 300.000 đồng và nhận 03 đoạn ống hút bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. Nhận được ma túy, N điều khiển xe về lại phòng trọ nhưng đến đoạn đường thuộc khu phố 1, phường V, thị xã T thì bị lực lượng tuần tra Công an phường V phát hiện và bắt quả tang. Qua kiểm tra Công an phát hiện trong túi quần bên phải của N có 03 đoạn ống hút bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, N khai nhận đó là ma túy do N mua của V để sử dụng.

Tài sản, đồ vật bị tạm giữ gồm: 03 đoạn ống hút bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, xe mô tô biển số 47FE-2451, 01 điện thoại hiệu Bontel.

Trên cơ sở lời khai của N, Công an phường V mời Vi Văn V đến làm việc. Tại trụ sở Công an phường V, V khai nhận toàn bộ hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành khám xét phòng trọ của V phát hiện và thu giữ: 01 chiếc vớ màu trắng, 10 đoạn ống hút hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số tiền 300.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 679/MT-PC09 ngày 02/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: 03 đoạn ống hút hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng thu giữ của Vi Văn N là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,1032 gam.

Tại Bản kết luận giám định số 680/MT-PC09 ngày 02/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: 10 đoạn ống hút hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng thu giữ của Vi Văn V là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,3819 gam.

Xe mô tô biển số 47FE-2451, số máy VHMCT50-002316, số khung VHMDCB023HM-001716 do ông Nguyễn Văn T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông Thọ khai nhận: Năm 2013, ông T đã bán xe này cho 01 người (không rõ nhân thân). Bị cáo N khai nhận: Xe 47FE-2451 N mượn của 01 người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân). Qua tra cứu thông tin xe máy vật chứng, xác định xe này không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Cơ quan Điều tra đã tiến hành thông báo tìm kiếm chủ sở hữu nhưng hết thời hạn 30 ngày không có kết quả.

Quá trình điều tra, bị cáo Vi Văn V khai nhận: V đã bán ma túy cho Vi Văn N được 02 lần (lần 1: Khoảng tháng 8/2020 với số tiền 600.000 đồng và lần 2: ngày 27/10/2020 với số tiền 300.000 đồng), tổng số tiền thu lợi bất chính là

900.000 đồng. Đối tượng đã bán ma túy cho V không xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra xử lý sau.

Cáo trạng số 24/CT-VKS.TU ngày 20/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định truy tố bị cáo Vi Văn V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Vi Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng. Hành vi của bị cáo V đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Vi Văn V từ 07 đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự tuyên phạt bị cáo Vi Văn N 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 300.000 đồng, xe mô tô biển số 47FE-2451 là phương tiện phạm tội (không tìm được chủ sở hữu) và 02 điện thoại di động của các bị cáo dùng làm công cụ liên lạc mua bán ma túy; đề nghị buộc bị cáo V nộp 600.000 đồng tiền thu lợi bất chính để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không trình bày ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho bị cáo V, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau là đúng quy định.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Bị cáo Vi Văn V 02 lần mua ma túy loại Heroine để bán lại cho bị cáo Vi Văn N nhằm mục đích kiếm lời. Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy là 900.000 đồng (tháng 08/2020 bán được 600.000 đồng, ngày 27/10/2020 bán được 300.000 đồng). Tổng khối lượng ma túy bị cáo V mua nhằm mục đích bán lại thu giữ được là 0,4851gam loại Heroine (bao gồm số ma túy bị cáo V cất giữ và số ma túy thu được trên người bị cáo N). Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Bị cáo Vi Văn N có hành vi tàng trữ trái phép 0,1032 gam ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ý thức được tác hại của ma túy nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hiện nay, tội phạm về ma túy đang diễn ra ngày càng phức tạp, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo, rèn luyện thành công dân có ích. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tích chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo để có hành phạt tương xứng nhằm răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tính tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm theo quy định Nhà nước và 01 chiếc vớ màu trắng dùng để cất giấu ma túy, không còn giá trị sử dụng.

- Đối với xe mô tô biển số 47FE-2451 là phương tiện phạm tội, đã được thông báo tìm kiếm chủ sở hữu nhưng không có kết quả cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với điện thoại di động hiệu OPPO của bị cáo V và điện thoại di động hiệu Bontel của bị cáo N là công cụ phạm tội dùng để liên lạc mua bán ma túy cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 300.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy của bị cáo V, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Vi Văn V nộp 600.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh của các bị cáo và biện pháp xử lý vật chứng là đúng quy định pháp luật; hình phạt đề nghị đối với bị cáo Vi Văn V là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, Kiểm sát viên đề nghị hình phạt đối với bị cáo Vi Văn N là nặng so với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt đối với bị cáo N thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vi Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, bị cáo Vi Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Vi Văn V 7 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2020.

2.2. Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Vi Văn N 01 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/10/2020.

3. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với:

+ Số ma túy Heroine còn lại sau giám định có khối lượng 0,0729 gam được niêm phong trong bì thư ký hiệu 679/PC09 theo Kết luận giám định số 679/MT-PC09 ngày 02/11/2020 và 0,3460 gam được niêm phong trong bì thư ký hiệu 680/PC09 theo Kết luận giám định số 680/MT-PC09 ngày 04/11/2020 và của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương;

+ 01 (Một) chiếc vớ màu trắng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với:

+ 01 (Một) xe mô tô kiểu dáng Wave, hiệu Halim, biển số 47FE-2451 màu xanh, số máy CT50-002316, số khung 023HM-001716, xe không có bửng, không hộp xích, không kính chiếu hậu bên phải, đồ mủ cũ nát và bị bể nhiều chỗ.

+ 01 (Một) điện thoại di động OPPO màu đỏ, số imei1: 865222040220893, không kiểm tra máy.

+ 01 (Một) điện thoại di động Bontel màu đen, số imei1: 353133089856803.

+ Số tiền 300.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 22/01/2021.

(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2021).

- Buộc bị cáo Vi Văn V nộp 600.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vi Văn V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Vi Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND thị xã T; (1)
- Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS Tx.T (để thi hành); (1)
- Người tham gia tố tụng; (3)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Nga